Mô hình Use case PHẦN MỀM QUẢN LÝ NHÀ SÁCH

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1312168 - Ngô Chí Hải

1312707 - Lê Tấn Vũ

Giáo viên hướng dẫn:

Mai Anh Tuấn

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 17/10/2015 | 1.0 | Phiên bản gốc | Ngô Chí Hải – Lê Tấn Vũ |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc432963626)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc432963627)

[3. Danh sách các Use-case 4](#_Toc432963628)

[4. Đặc tả Use-case 5](#_Toc432963629)

[4.1 Đặc tả Use-case “Quản lí tài khoản” 5](#_Toc432963630)

[4.2 Đặc tả Use-case “Đăng nhập” 6](#_Toc432963631)

[4.3 Đặc tả Use-case “Thay đổi quy định” 8](#_Toc432963632)

[4.4 Đặc tả Use-case “Quản lý phiếu thu tiền” 9](#_Toc432963633)

[4.5 Đặc tả Use-case “Lập phiếu thu tiền” 9](#_Toc432963634)

[4.6 Đặc tả Use-case “Xóa phiếu thu tiền” 10](#_Toc432963635)

[4.7 Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu thu tiền” 11](#_Toc432963636)

[4.8 Đặc tả Use-case “Lập báo cáo tháng” 12](#_Toc432963637)

[4.9 Đặc tả Use-case “Thống kê sách bán chạy” 13](#_Toc432963638)

[4.10 Đặc tả Use-case “Tra cứu sách” 14](#_Toc432963639)

[4.11 Đặc tả Use-case “Quản lí hóa đơn bán hàng” 15](#_Toc432963640)

[4.12 Đặc tả Use-case “Lập hóa đơn bán hàng” 16](#_Toc432963641)

[4.13 Đặc tả Use-case “Xóa hóa đơn bán hàng” 17](#_Toc432963642)

[4.14 Đặc tả Use-case “Cập nhật hóa đơn bán hàng” 17](#_Toc432963643)

[4.15 Đặc tả Use-case “Quản lí nhập sách” 18](#_Toc432963644)

[4.16 Đặc tả Use-case “Lập phiếu nhập sách” 19](#_Toc432963645)

[4.17 Đặc tả Use-case “Xóa phiếu nhập sách” 20](#_Toc432963646)

[4.18 Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu nhập sách” 21](#_Toc432963647)

[4.19 Đặc tả Use-case “Quản lí trả hàng” 22](#_Toc432963648)

[4.20 Đặc tả Use-case “Lập phiếu trả hàng” 23](#_Toc432963649)

[4.21 Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu trả hàng” 24](#_Toc432963650)

[4.22 Đặc tả Use-case “Quản lí khách hàng” 25](#_Toc432963651)

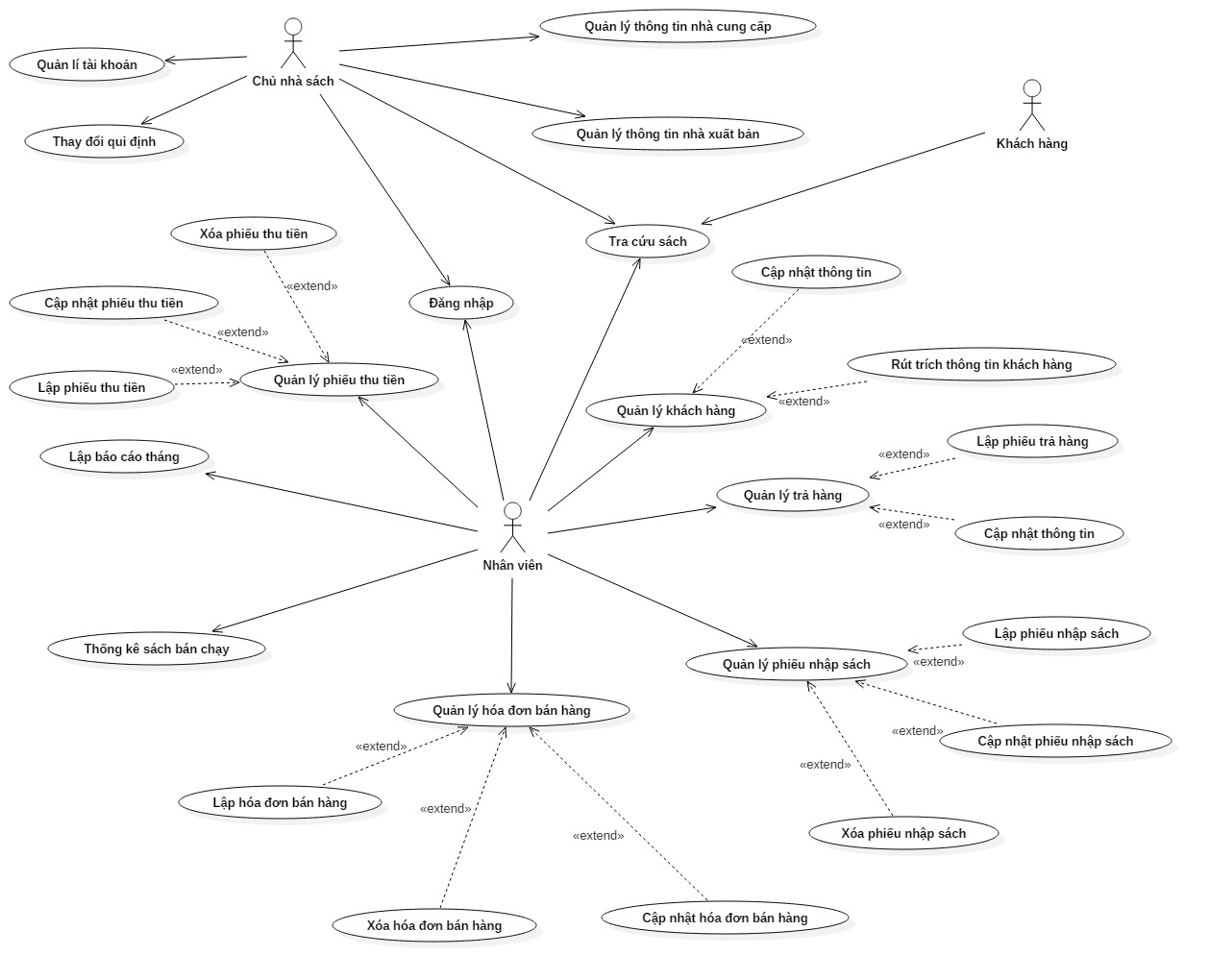
[4.23 Đặc tả Use-case “Rút trích thông tin khách hàng” 26](#_Toc432963652)

[4.24 Đặc tả Use-case “Cập nhật tự động thông tin khách hàng” 27](#_Toc432963653)

[4.25 Đặc tả Use-case “Quản lí thông tin nhà cung cấp” 27](#_Toc432963654)

[4.26 Đặc tả Use-case “Quản lí thông tin nhà xuất bản” 29](#_Toc432963655)

# Sơ đồ Use-case

**

**Sơ đồ Use-case phần mềm quản lí nhà sách**

# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Chủ nhà sách | Là người admin quản lí nhà sách: quản lí thông tin nhà cung cấp, thông tin nhà xuất bản, thông tin tài khoản của nhân viên. |
| 2 | Nhân viên | Người thực hiện các qui trình nghiệp vụ bán hàng của nhà sách (không được sử dụng chức năng của chủ nhà sách) |
| 3 | Khách hàng | Nhà sách sẽ trang bị máy tính để khách hàng tra cứu sách để việc chọn mua sách của khách hàng trở nên tiện lợi và nhanh chóng hơn |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Use-case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Quản lí tài khoản. | Chức năng giúp admin tạo và reset tài khoản cho nhân viên và bản thân admin (ban đầu phần mềm sẽ cấp cho admin một account sau đó admin đăng nhập vào hệ thống và đổi lại). |
| 2 | Đăng nhập. | Đăng nhập vào hệ thống với account đã được cung cấp |
| 3 | Thay đổi qui định. | Chủ nhà sách có thể thay đổi những qui định trong việc kinh doanh của mình: công nợ, số lượng sách nhập tối thiểu, tồn kho. |
| 4 | Quản lý phiếu thu tiền | Nhân viên sẽ có thể xem danh sách các phiếu thu tiền để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ thêm, sửa, xóa phiếu. |
| 5 | Lập phiếu thu tiền. | Nhân viên sẽ tiến hành lập phiếu thu tiền cho khách khi đã lập hóa đơn bán hàng. |
| 6 | Xóa phiếu thu tiền. | Nhân viên có thể xóa phiếu thu tiền khi có sai xót. |
| 7 | Cập nhật phiếu thu tiền. | Nhân viên cập nhật thông tin phiếu thu tiền khi có thay đổi. |
| 8 | Lập báo cáo tháng. | Lập báo cáo tình hình hoạt động của nhà sách trong tháng: tồn kho, công nợ, danh thu. |
| 9 | Thống kê sách bán chạy. | Thống kê sách bán chạy theo tháng. |
| 10 | Tra cứu sách. | Nhân viên và khách hàng có thể tra cứu thông tin sách theo nhiều tiêu chí như: tên sách, lượng tồn, nhà xuất bản, nhà sản xuất, năm xuất bản. |
| 11 | Quản lý hóa đơn bán hàng | Nhân viên sẽ có thể xem danh sách các đơn bán hàng để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ thêm, sửa, xóa phiếu. |
| 12 | Lập hóa đơn bán hàng. | Nhân viên sẽ lập hóa đơn bán hàng cho khách hàng khi khách hàng đến mua sách |
| 13 | Xóa hóa đơn bán hàng. | Nhân viên có thể xóa hóa đơn bán hàng khi có sai xót. |
| 14 | Cập nhật hóa đơn bán hàng. | Nhân viên có thể cập nhật thông tin hóa đơn bán hàng khi có sự thay đổi. |
| 15 | Quản lý nhập sách | Nhân viên sẽ có thể xem danh sách các phiếu nhập sách để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ thêm, sửa, xóa phiếu. |
| 16 | Lập phiếu nhập sách. | Nhân viên tiến hành lập phiếu nhập sách vào kho khi hết hàng. |
| 17 | Xóa phiếu nhập sách | Nhân viên xóa phiếu nhập sách khi có sai xót. |
| 18 | Cập nhật phiếu nhập sách | Nhân viên cập nhật nội dung phiếu nhập sách khi có sự thay đổi. |
| 19 | Quản lý trả hàng. | Nhân viên sẽ có thể xem danh sách các phiếu trả hàng để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ thêm, sửa, xóa phiếu. |
| 20 | Lập phiếu trả hàng. | Khi có sự cố liên quan đến sản phẩm, nhân viên sẽ lập phiếu trả hàng cho khách hàng. |
| 21 | Cập nhật phiếu trả hàng. | Nhân viên cập nhật thông tin trả hàng khi có sự thay đổi. |
| 22 | Quản lí khách hàng | Nhân viên sẽ có thể xem danh sách khách hàng để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ sửa, xóa, rút trích thông tin từ khách hàng. |
| 23 | Rút trích thông tin khách hàng. | Rút trích thông tin khách hàng từ hóa đơn thu tiền để quản lí thông tin khách hàng. |
| 24 | Cập nhật tự động thông tin khách hàng | Khi thông tin khách hàng thay đổi sẽ cập nhật tự động lại thông tin khách hàng. |
| 25 | Quản lí thông tin nhà cung cấp. | Chủ nhà sách sẽ quản lí thông tin nhà cung cấp bao gồm thêm, sửa và xóa. |
| 26 | Quản lí thông tin nhà xuất bản. | Chủ nhà sách sẽ quản lí thông tin nhà xuất bản bao gồm thêm, sửa và xóa. |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Quản lí tài khoản”

### Tóm tắt

Use case này do admin là chủ nhà sách thực hiện việc tạo tài khoản cho nhân viên. Ban đầu phần mềm sẽ cấp cho admin một account sau đó admin đăng nhập vào hệ thống và đổi lại.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Admin thực hiện việc tạo tài khoản mới cho nhân viên bằng cách chọn tạo tài khoản.
3. Nhập tên tài khoản mới và password cho tài khoản đó.
4. Chọn tạo tài khoản mới.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Lần đầu đăng nhập, sau khi đăng nhập thành công hộp thoại thông báo đổi mật khẩu mới xuất hiện.

A.2. Admin nhập mật khẩu mới và chọn chấp nhận.

B.1. Admin chọn chức năng thay đổi mật khẩu cho nhân viên.

B.2. Admin nhập mật khẩu mới và chọn chấp nhận.

C.1. Admin chọn chức năng xóa tài khoản nhân viên.

C.2. Chọn tài khoản nhân viên cần xóa.

C.3. Chọn xóa tài khoản, chọn OK để xác nhận.

### Các yêu cầu đặc biệt

Người đăng nhập vào hệ thống đầu tiên là admim.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và xuất hiện hộp thoại đăng nhập.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thông báo tại tài khoản thành công, tài khoản mới được thêm vào danh sách tài khoản.

A. Admin thay đổi mật khẩu thành công, cấp quyền cao nhất cho tài khoản admin.

B. Hệ thống thông báo thay đổi mật khẩu thành công.

C. Hệ thống thông báo xóa tài khoản thành công, tên và mật khẩu của nhân viên bị xóa ra khỏi danh sách.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Đăng nhập”

### Tóm tắt

Use case này do admin là chủ nhà sách và nhân viên sử dụng, dùng để đăng nhập vào hệ thống và sử dụng các chức năng khác của phần mềm, nhằm đảm bảo tính bảo mật cho nhà sách, chỉ có nhân viên và chủ nhà sách mới sử dụng được dữ liệu có trong phần mềm.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người sử dụng nhập username và password.
2. Chọn đăng nhập.
3. Đăng nhập thành công vào hệ thống.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nếu nhập mật khẩu sai, xuất bảng thông báo sai mật khẩu yêu cầu người dùng nhập lại.

A.2. Nhập lại mật đúng, đăng nhập thành công vào hệ thống.

B.1. Nếu người sử dụng quên mật khẩu, chọn chức năng gửi yêu cầu admin reset lại mật khẩu cho tài khoản.

B.2. Người dùng nhận mật khẩu được reset lại của admin.

B.3. Người dùng nhập mật khẩu được cấp bởi admin, hệ thống thông báo đổi mật khẩu mới.

B.4. Người dùng nhập mật khẩu mới và chọn chấp nhận.

B.5. Đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Người sử dụng khởi động phần mềm thành công, xuất hiện cửa sổ đăng nhập.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thông báo đăng nhập thành công vào hệ thống.

A. Hệ thống không đăng nhập vào được, thông báo sai mật khẩu.

B. Hệ thống thay đổi mật khẩu thành công và đăng nhập vào hệ thống.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Thay đổi quy định”

### Tóm tắt

Use case này do admin là chủ nhà sách thực hiện việc thay đổi các quy định trong việc kinh doanh như là công nợ, số lượng sách nhập tối thiểu, số sách tồn kho tối thiểu.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin chọn chức năng xem các quy định.
2. Chọn mục thay đổi.
3. Nhập các giá trị cần thay đổi trong hộp thoại hiện ra.
4. Chọn đồng ý.
5. Thay đổi thành công.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nhập dữ liệu thay đổi sai.

A.2. Thông báo cho người sử dụng biết sai ở các dữ liệu nào.

A.3. Người dùng sửa lại.

A.4. Chọn đồng ý.

A.5. Thay đổi quy định thành công.

### Các yêu cầu đặc biệt

Người đăng nhập vào hệ thống phải là admin.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công với quyền admin.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống báo thay đổi thành công, các quy định được thay đổi đúng theo yêu cầu.

A. Thay đổi quy định thành công.

### Điểm mở rộng

Hệ thống yêu cầu đăng nhập với quyền admin.

## Đặc tả Use-case “Quản lý phiếu thu tiền”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xem danh sách phiếu thu tiền để quản lý thông tin các phiếu thu.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên chọn chức năng quản lý phiếu thu tiền.
3. Hệ thống xuất ra danh sách các phiếu thu tiền.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xuất ra màn hình danh sach các phiếu thu tiền.

### Điểm mở rộng

Nhân viên có thể chọn chức năng lập phiếu thu, cập nhật phiếu hoặc xóa phiếu.

## Đặc tả Use-case “Lập phiếu thu tiền”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc tạo phiếu thu tiền, lập phiếu thu tiền sau khi lập hóa đơn cho khách hàng để tiến hành thu tiền.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Đăng nhập vào hệ thống thành công, nhân viên chọn chức năng lập phiếu thu tiền.
3. Nhân viên nhập thông tin vào trong form phiếu thu tiền trên cửa sổ phần mềm.
4. Sau khi nhập xong nhân viên chọn xuât phiếu thu tiền.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nhân viên nhập sai thông tin trong phiếu thu tiền.

A.2. Nhân viên xem những chỗ sai giá trị.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thỗng xuất ra phiếu thu tiền thành công.
2. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Xóa phiếu thu tiền”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xóa một phiếu thu tiền trong hệ thống khi xảy ra sai xót.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách phiếu thu tiền.
3. Nhân viên chọn phiếu thu cần xóa.
4. Nhân viên nhấp chọn nút xóa.
5. Hệ thống xóa phiếu thu tiền đã chọn.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xóa thành công phiếu thu tiền được chỉ định.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu thu tiền”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc cập nhật một phiếu thu tiền trong hệ thống khi xảy ra sai xót hoặc khi có thay đổi.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách phiếu thu tiền.
3. Nhân viên chọn phiếu thu cần cập nhật.
4. Nhân viên nhấp chọn cập nhật.
5. Hệ thống hiển thị các thông tin có thể chỉnh sửa.
6. Nhân viên chỉnh sửa thông tin.
7. Nhân viên nhấn chọn cập nhật sau khi đã thay đổi hết thông tin cần thiết.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Cập nhật thông tin sai.

A.2. Hệ thống báo lỗi sai thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống thông báo chỉnh sửa thành công phiếu thu tiền.

A. Hệ thống thông báo lỗi thông tin chỉnh sửa bị sai, yêu cầu người dùng nhập lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Lập báo cáo tháng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viện thực hiện việc thống kê và lập báo cáo để biết tình hình hoạt động và doanh thu của nhà sách bao gồm báo cáo tồn sách và công nợ.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Người dùng chọn Lập báo cáo tháng.
3. Hệ thống yêu cầu người dùng chọn tháng có trong cơ sở dữ liệu để báo cáo.
4. Người dùng chọn tháng muốn xem.
5. Hệ thống đưa ra báo cáo tồn sách và công nợ.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống xuất báo cáo tháng mà người dùng đã chọn bao gồm hai báo cáo là báo cáo tồn sách và báo cáo công nợ.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Thống kê sách bán chạy”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc thống kê lại các sách bán chạy trong tháng nhằm đề ra chiến lược nhập sách cho tháng sau, để việc cung cấp sách cho khách hàng hiệu quả hơn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn chức năng thống kê sách bán chạy.
3. Hệ thống yêu cầu nhân viên chọn tháng hiện có để thống kê.
4. Hệ thống xuất ra danh sách sách bán chạy trong tháng đã chọn.
5. Nhân viên lưu lại và thoát.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống báo thống kê sách bán chạy thành công và xuất ra màn hình.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Tra cứu sách”

### Tóm tắt

Khách hàng, nhân viên, chủ nhà sách sử dụng chức năng tra cứu sách để tìm nhanh những cuốn sách cần thiết phục vụ nhu cầu đọc của khách hàng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Người dùng chọn chức năng tra cứu sách sau khi mở phần mềm.
2. Nhập tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản cần tìm, nhấp chọn tìm sách.
3. Hệ thống tìm kiếm và hiển thị danh sách các sách và thông báo số lượng sách tìm thấy theo yêu cầu.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Không có sách trong dữ liệu, hệ thống thông báo không tìm thấy sách.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống báo số lượng sách đã tìm thấy và xuất danh sách ra màn hình.

A1. Hệ thống thông báo không tìm thấy sách trong nhà sách.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí hóa đơn bán hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xem danh sách hóa đơn bán hàng để quản lý thông tin các hóa đơn bán hàng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên chọn chức năng quản lý hóa đơn bán hàng.
3. Hệ thống xuất ra danh sách các phiếu hóa đơn bán hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống xuất ra màn hình danh sach các hóa đơn bán hàng.

### Điểm mở rộng

Nhân viên có thể chọn chức năng lập phiếu thu, cập nhật phiếu hoặc xóa phiếu..

## Đặc tả Use-case “Lập hóa đơn bán hàng”

Use case này do nhân viên thực hiện việc tạo hóa đơn bán hàng cho khách hàng khi khách hàng đến mua sản phẩm.

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Đăng nhập vào hệ thống thành công, nhân viên chọn chức năng lập hóa đơn bán hàng.
3. Nhân viên nhập thông tin vào trong form phiếu bán hàng trên cửa sổ phần mềm.
4. Sau khi nhập xong nhân viên chọn xuât hóa đơn bán hàng

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nhân viên nhập sai thông tin trong phiếu thu tiền.

A.2. Nhân viên xem những chỗ sai giá trị.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở trong giao diện quản lí thông tin hóa đơn bán hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thỗng xuất ra phiếu thu tiền thành công.
2. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Xóa hóa đơn bán hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xóa một hóa đơn bán hàng trong hệ thống khi xảy ra sai xót.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách hóa đơn bán hàng.
3. Nhân viên chọn phiếu thu cần xóa.
4. Nhân viên nhấp chọn nút xóa.
5. Hệ thống xóa hóa đơn bán hàng đã chọn.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở trong giao diện quản lí thông tin hóa đơn bán hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xóa thành công hóa đơn bán hàng được chỉ định và trở lại màn hình xem danh sách hóa đơn bán hàng.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Cập nhật hóa đơn bán hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc cập nhật một hóa đơn bán hàng trong hệ thống khi xảy ra sai xót hoặc khi có thay đổi.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách hóa đơn bán hàng.
3. Nhân viên chọn hóa đơn bán hàng cần cập nhật.
4. Nhân viên nhấp chọn cập nhật.
5. Hệ thống hiển thị các thông tin có thể chỉnh sửa.
6. Nhân viên chỉnh sửa thông tin.
7. Nhân viên nhấn chọn cập nhật sau khi đã thay đổi hết thông tin cần thiết.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Cập nhật thông tin sai.

A.2. Hệ thống báo lỗi sai thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở trong giao diện quản lí thông tin hóa đơn bán hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống thông báo chỉnh sửa thành công hóa đơn bán hàng.

A. Hệ thống thông báo lỗi thông tin chỉnh sửa bị sai, yêu cầu người dùng nhập lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí nhập sách”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xem danh sách phiếu nhập sách để quản lý thông tin các phiếu nhập sách.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên chọn chức năng quản lý nhập sách.
3. Hệ thống xuất ra danh sách các phiếu nhập sách.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xuất ra màn hình danh sach các phiếu nhập sách.

### Điểm mở rộng

Nhân viên có thể chọn chức năng lập phiếu nhập, cập nhật phiếu hoặc xóa phiếu.

## Đặc tả Use-case “Lập phiếu nhập sách”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc tạo phiếu phiếu nhập sách khi có một mặt hàng nào đó trong nhà sách hết hàng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Đăng nhập vào hệ thống thành công, nhân viên chọn chức năng lập phiếu nhập sách.
3. Nhân viên nhập thông tin vào trong form phiếu nhập sách trên cửa sổ phần mềm.
4. Sau khi nhập xong nhân viên chọn tạo phiếu nhập sách.
5. Hệ thống kiểm tra qui định nhập mặt hàng nhân viên vừa nhập có thỏa hay không.
6. Nếu thỏa sẽ tiến hành tạo phiếu nhập sách đó.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nhân viên nhập sai thông tin trong phiếu nhập sách.

A.2. Nhân viên xem những chỗ sai giá trị.

B.1. Mặt hàng muốn nhập không thỏa qui định nhập của nhà sách.

B.2. Hệ thống thông báo sai qui định gì trong hộp thoại.

B.3. Người dùng chọn nút OK trong hộp thoại

B.4. Hệ thống trở về giao diện tạo phiếu nhập sách.

### Các yêu cầu đặc biệt

Các mặt hàng nhập phải thỏa qui định nhập.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở chức năng quản lí phiếu nhập sách.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xuất thông báo tạo phiếu nhập sách thành công thành công.
2. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Xóa phiếu nhập sách”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xóa một phiếu nhập sách trong hệ thống khi xảy ra sai xót.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách phiếu nhập sách.
3. Nhân viên chọn phiếu nhập cần xóa.
4. Nhân viên nhấp chọn nút xóa.
5. Hệ thống tiến hành xóa phiếu nhập đã chọn.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở chức năng quản lí phiếu nhập sách.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xóa thành công phiếu thu tiền được chỉ định.
2. Hệ thống trở về giao diện xem danh sách các phiếu nhập sách.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu nhập sách”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc cập nhật một phiếu nhập sách trong hệ thống khi xảy ra sai xót hoặc khi có thay đổi.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách phiếu nhập sách.
3. Nhân viên chọn phiếu nhập cần cập nhật.
4. Nhân viên nhấp chọn cập nhật.
5. Hệ thống hiển thị các thông tin có thể chỉnh sửa.
6. Nhân viên chỉnh sửa thông tin.
7. Nhân viên nhấn chọn cập nhật sau khi đã thay đổi hết thông tin cần thiết.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Cập nhật thông tin sai.

A.2. Hệ thống báo lỗi sai thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở chức năng quản lí phiếu nhập sách.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống thông báo chỉnh sửa thành công phiếu nhập sách.
2. Hệ thống thông báo lỗi thông tin chỉnh sửa bị sai, yêu cầu người dùng nhập lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí trả hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xem danh sách phiếu trả hàng để quản lý thông tin các phiếu trả hàng.

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên chọn chức năng quản lý phiếu trả hàng.
3. Hệ thống xuất ra danh sách các phiếu trả hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xuất ra màn hình danh sach các phiếu trả hàng.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Lập phiếu trả hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc tạo phiếu trả hàng khi sản phẩm có lỗi, để nhà sách thống kê được sản phẩm nào có nhiều lỗi, do nhà cung cấp nào cung cấp, nhà sản xuất nào.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Đăng nhập vào hệ thống thành công, nhân viên chọn chức năng lập phiếu trả hàng.
3. Nhân viên nhập thông tin vào trong form phiếu trả hàng trên cửa sổ phần mềm.
4. Sau khi nhập xong nhân viên chọn xuất phiếu trả hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Nhân viên nhập sai thông tin trong phiếu thu tiền.

A.2. Nhân viên xem những chỗ sai giá trị.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên đang ở giao diện quản lí trả hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống xuất ra phiếu trả hàng thành công.
2. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Cập nhật phiếu trả hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc cập nhật một phiếu thu tiền trong hệ thống khi xảy ra sai xót bao gồm xóa và sửa.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Nhân viên chọn xem danh sách phiếu trả hàng.
3. Nhân viên chọn phiếu trả hàng cần cập nhật.
4. Nhân viên chọn cách cập nhật là sửa hay xóa.
5. Nhân viên nhấp chọn sửa.
   1. Hệ thống hiển thị thông tin có thể chỉnh sửa.
   2. Nhân viên thực hiện việc chỉnh sửa thông tin.
   3. Sau đó bấm cập nhật,
6. Nhân viên chọn xóa.
   1. Hệ thống xuất thông báo hỏi có muốn xóa không.
   2. Người dùng chọn OK.
   3. Hệ thống tiến hành xóa.

#### Các dòng sự kiện khác

A.1. Cập nhật thông tin sai.

A.2. Hệ thống báo lỗi sai thông tin.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.

Nhân viên đang ở giao diện quản lí trả hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Hệ thống thống thông báo chỉnh sửa thành công phiếu thu tiền.
2. Hệ thống thông báo lỗi thông tin chỉnh sửa bị sai, yêu cầu người dùng nhập lại.
3. Hệ thống thông báo xóa thành công.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí khách hàng”

### Tóm tắt

Use case này do nhân viên thực hiện việc xem danh sách khách hàng để quản lý thông tin khách hàng tốt hơn, phục vụ tốt hơn, cung cấp thông tin các chương trình khuyến mãi.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Nhân viên chọn chức năng quản lý khách hàng.
3. Hệ thống xuất ra danh sách thông tin các khách hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống xuất ra màn hình danh sách thông tin khách hàng.

### Điểm mở rộng

Nhân viên có thể chọn chức năng cập nhật thông tin khách hàng.

## Đặc tả Use-case “Rút trích thông tin khách hàng”

### Tóm tắt

Hệ thống tự động lấy thông tin khách hàng từ phiếu thu tiền để thêm vào cơ sở dữ liệu để quản lí khách hàng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập thành công vào hệ thống.
2. Khi có hóa đơn tính tiền được tạo ra.
3. Sẽ tiến hành thêm thông tin khách hàng đó vào cơ sở dữ liệu

#### Các dòng sự kiện khác

1. Khách hàng đã tồn tại trong cở sở dữ liệu.
   1. Hệ thống xuất thông báo.
   2. Nhân viên chọn OK để đóng thông báo
   3. Hệ thống không thêm khách hàng này vào database.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. Hệ thống đã khởi động và nhân viên đăng nhập thành công.
2. Hoàn tất việc tạo hóa đơn bán hàng.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Xuất thông báo thêm khách hàng thành công.
2. Xuất thông báo khách hàng đã tồn tại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Cập nhật tự động thông tin khách hàng”

### Tóm tắt

Hệ thống tự động cập nhật thông tin khách hàng khi thông tin trên hóa đơn tính tiền được cập nhật liên quan đến thông tin khách hàng.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Chức năng cập nhật hóa đơn tính tiền được thực hiện.
2. Thông tin khách hàng được cập nhật trên hóa đơn.
3. Tiến hành cập nhật thông tin khách hàng trong dữ liệu quản lí khách hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động và nhân viên đăng nhập thành công.

Vừa cập nhật thông tin hóa đơn tính tiền.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Xuất thông báo cập nhật thành công.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí thông tin nhà cung cấp”

### Tóm tắt

Use case này do chủ nhà sách thực hiện để nắm thông tin các nhà cung cấp sách, tiện liên lạc khi cần.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Admin chọn mục quản lí thông tin nhà cung cấp.
3. Hệ thống xuất danh sách thông tin các nhà cung cấp.
4. Admin có thể chọn chức năng thêm, sửa hoặc xóa thông tin nhà cung cấp
   1. Xóa thông tin.
      1. Chọn nhà cung cấp cần xóa.
      2. Bấm nút xóa.
      3. Hệ thống xuất thông báo hỏi có muốn xóa không
      4. Bâm nút OK hệ thống tiến hành xóa.
   2. Cập nhật thông tin.
      1. Chọn thông tin cần cập nhật.
      2. Cập nhật thông tin.
      3. Bấm enter để tiến hành cập nhật.
   3. Thêm thông tin.
      1. Điền thông tin theo form.
      2. Bấm nút thêm.
      3. Hệ thống tiến hành thêm.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và admin đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Xuất thông báo xóa thành công.
2. Xuất thông báo thêm thành công.
3. Xuất thông báo lỗi.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case “Quản lí thông tin nhà xuất bản”

### Tóm tắt

Use case này do chủ nhà sách thực hiện để nắm thông tin các nhà xuất bản, tiện liên lạc khi cần.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống, gõ username, password vào và chọn đăng nhập.
2. Admin chọn mục quản lí thông tin nhà cung cấp.
3. Hệ thống xuất danh sách thông tin các nhà xuất bản.
4. Admin có thể chọn chức năng thêm, sửa hoặc xóa thông tin nhà xuất bản.
   1. Xóa thông tin.
      1. Chọn nhà xuất bản cần xóa.
      2. Bấm nút xóa.
      3. Hệ thống xuất thông báo hỏi có muốn xóa không
      4. Bâm nút OK hệ thống tiến hành xóa.
   2. Cập nhật thông tin.
      1. Chọn thông tin cần cập nhật.
      2. Cập nhật thông tin.
      3. Bấm enter để tiến hành cập nhật.
   3. Thêm thông tin.
      1. Điền thông tin theo form.
      2. Bấm nút thêm.
      3. Hệ thống tiến hành thêm.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Hệ thống khởi động thành công và admin đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. Xuất thông báo xóa thành công.
2. Xuất thông báo thêm thành công.
3. Xuất thông báo lỗi.

### Điểm mở rộng

Không có.